

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2022
Về việc Ly hôn và tranh chấp về con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Ông Hoàng Đắc Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2022/QĐST-HGND, ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần T; Nơi cư trú: Thôn 4, xã T, huyện T, thành phố H; vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Q; Nơi cư trú: Thôn 4, xã T, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn Q chung sống với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2011 nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật cho mãi đến năm 2021 thì vợ chồng mới đến UBND xã T làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi

cưới chị cùng anh Q về chung sống cùng gia đình bố mẹ anh Q tại thôn 4, xã T, huyện T, thành phố H, trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng nguyên nhân là do anh Q ham chơi bời, không chịu khó lao động phá tán tài sản kinh tế gia đình nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Tân Dương, huyện T, thành phố H sinh sống vợ chồng đã sống ly thân thời gian khoảng hơn hai năm nay không còn quan tâm nhau. Nay chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Đình L, sinh ngày 14/7/2012 và Đỗ Nhật V, sinh ngày 03/12/2013 kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả hai con chung sống cùng anh Q có sự giúp đỡ, chăm sóc của ông bà nội (bố mẹ đẻ) anh Q trong việc đưa đón các con chung đi học, ăn uống, sinh hoạt hàng ngày. Nay chị và anh Q ly hôn nguyện vọng của chị T là cũng mong muốn được nuôi các con nhưng để ổn định cuộc sống học tập của hai con chị T đồng ý tự nguyện để anh Q trực tiếp nuôi cả hai con chung và chị mong muốn anh Q cùng gia đình tạo điều kiện trong việc chị thăm nom con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh Q tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh Q không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Đỗ Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án ghi ý kiến trình bày quan điểm về việc chị T xin ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác

minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần T và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần T được ly hôn anh Đỗ Văn Q; Về con chung: Giao cả hai con chung tên Đỗ Đình L, sinh ngày 14/7/2012 và Đỗ Nhật V, sinh ngày 03/12/2013, cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết; về tài sản chung: Chị T không yêu cầu, bị đơn anh Q vắng mặt không có ý kiến trình bày về tài sản chung nên không đề cập giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn chị Trần T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn chị Trần T vắng mặt, song có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn là anh Đỗ Văn Q đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Trần T và anh Đỗ Văn Q chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới theo phong tục địa phương từ năm 2011 nhưng do không hiểu biết pháp luật nên chị T và anh Q không làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng sau đó trong quá trình chung sống đến ngày 28/12/2021 chị T và anh Q đã đến UBND xã T làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 93, ngày 28/12/2021. Như vậy căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật hôn nhân gia

đình năm 2014 quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q được xác lập từ thời điểm đăng ký kết hôn, do vậy xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được chị T xin ly hôn anh Q, bị đơn anh Đỗ Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Q vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản, giấy tờ nào gửi đến Tòa án trình bày quan điểm về việc chị T xin ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn. Tài liệu chứng cứ thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã kéo dài nhiều năm nguyên nhân do anh Q ham chơi bởi nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau và đã sống ly thân mỗi người một nơi. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã kéo dài, trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh Q.

[3] Về con chung

Chị T và anh Q có 02 con chung tên Đỗ Đình L, sinh ngày 14/7/2012 và Đỗ Nhật V, sinh ngày 03/12/2013 kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả hai con chung sống cùng anh Q có sự giúp đỡ, chăm sóc của ông bà nội (bố mẹ đẻ) anh Q trong việc đưa đón các con chung đi học, ăn uống, sinh hoạt hàng ngày. Khi ly hôn để ổn định cuộc sống học tập của hai con chị T đồng ý tự nguyện để anh Q trực tiếp nuôi cả hai con chung và chị mong muốn anh Q cùng gia đình tạo điều kiện trong việc chi thăm nom con chung. Bị đơn anh Q vắng mặt tại phiên tòa không có quan điểm trình bày về việc nuôi con chung gửi đến Tòa án. Hội đồng xét xử xét: Việc nuôi con của anh Q đã ổn định để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, cần thiết phải giao con chung cho một người nuôi dưỡng, chăm sóc, mặt khác con chung trên 7 tuổi có nguyện vọng được sống cùng anh Q và ông bà nội. Vì vậy cần thiết phải giao cả hai con chung cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T trình bày để chị và anh Q tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung

Chị T trình bày vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Đỗ Văn Q vắng mặt tại phiên tòa không có quan điểm trình bày về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Trần T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều khoản 2 Điều 14, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần T được ly hôn anh Đỗ Văn Q.
2. Về con chung: Giao cả hai con chung tên Đỗ Đình L, sinh ngày 14/7/2012 và Đỗ Nhật V, sinh ngày 03/12/2013, cho anh Đỗ Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trần T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007656, ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã T, h. T;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

